

MỘT SỐ LƯU Ý VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

QUÝ 2/2018

A/ Về thuế giá trị gia tăng.

I. Một số nội dung mới về chính sách thuế GTGT.

Ngày 16/03/2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 25/2018/TT-BTC hướng dẫn nghị định số **146/2017/NĐ-CP** ngày 15/12/2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số **78/2014/TT-BTC** ngày 18/6 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số **111/2013/TT-BTC** ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính, theo đó:

1. Quy định chi tiết các trường hợp không thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT liên quan đến sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản, cụ thể:

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh trực tiếp khai thác và chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật thuế giá trị gia tăng.

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh mua về chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật thuế giá trị gia tăng.

- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ nguyên liệu chính không phải là tài nguyên, khoáng sản (tài nguyên, khoáng sản đã chế biến thành sản phẩm khác) do cơ sở kinh doanh mua về chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến thành sản phẩm xuất khẩu thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật thuế giá trị gia tăng.

* Đồng thời bổ sung trường hợp được hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu:

- Cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu bao gồm cả trường hợp: Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu vào khu phi thuế quan; hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu ra nước ngoài, có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa

được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý.

Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu mà hàng hóa xuất khẩu đó không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan; hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan.

* Hiệu lực thi hành:

- Thông tư số 25/2018/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 1/5/2018.

- Các trường hợp phát sinh từ ngày 01/02/2018, chịu sự điều chỉnh của Nghị định [146/2017/NĐ-CP](#) được thực hiện theo quy định tại Nghị định [146/2017/NĐ-CP](#) và hướng dẫn tại Điều 1, Điều 2, khoản 2, 3, 4 Điều 3 Thông tư này.

2. Về hoàn thuế GTGT.

Tổng cục Thuế có công văn số 594/TCT-KK ngày 13/02/2018 hướng dẫn Cục thuế tỉnh Bình Dương về hoàn thuế GTGT.

Theo đó, trường hợp Công ty gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT theo Khoản 1 Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính, kỳ hoàn thuế từ tháng 01/2015 đến tháng 6/2016, tuy nhiên Công ty khai bổ sung chưa đúng hướng dẫn của công văn số 4943/TCT-KK ngày 23/11/2015 nhưng không làm sai số thuế còn được khấu trừ, không làm sai số thuế đề nghị hoàn thì Công ty được hoàn thuế nếu đáp ứng đầy đủ các quy định về khấu trừ, hoàn thuế của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và pháp luật về quản lý thuế; Công ty bị xử phạt về hành vi kê khai chưa đúng quy định.

3. Chính sách thuế GTGT đối với chi phí quảng cáo trên Facebook và Google.

Tổng cục Thuế có công văn số 1550/TCT-CS ngày 24/04/2018 hướng dẫn Công ty TNHH VNIS Việt Nam về chính sách thuế.

Theo đó, Trường hợp trường hợp doanh nghiệp tại Việt Nam thuê đơn vị khác tại Việt Nam thực hiện quảng cáo trên Facebook, Google thì thuế GTGT đầu vào của chi phí quảng cáo phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ nếu đáp ứng các điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo hướng dẫn tại Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

4. Về việc hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư.

Tổng cục Thuế có công văn số 1402/TCT-CS ngày 20/4/2018 hướng dẫn Cục Thuế TP Hồ Chí Minh về chính sách thuế GTGT.

Theo đó, Trường hợp Công ty (có trụ sở tại Hà Nội) có dự án đầu tư tại TP Hồ Chí Minh, Công ty có văn bản ủy quyền cho Chi nhánh Công ty (có trụ sở tại TP Hồ Chí Minh) trực tiếp quản lý dự án đầu tư này, nếu việc trực tiếp quản lý dự án của Chi nhánh Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, lưu giữ sổ sách chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng, đã đăng ký thuế và được cấp mã số thuế thì Chi nhánh Công ty lập hồ sơ khai thuế riêng cho dự án đầu tư đồng thời phải kết chuyển thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư để bù trừ

với việc kê khai thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện; sau khi bù trừ nếu đáp ứng điều kiện về kê khai khấu trừ, hoàn thuế GTGT thì Cục thuế TP Hồ chí minh giải quyết theo quy định.

5. Về thuế GTGT hoạt động xây dựng vắng lai ngoại tỉnh.

Bộ Tài chính có công văn số 3759/BTC-TCT ngày 02/04/2018 hướng dẫn Công ty TNHH xây dựng LIFE V/v thuế GTGT hoạt động xây dựng vắng lai ngoại tỉnh.

Theo đó, Trường hợp Công ty (có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội, kê khai nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế) có hoạt động xây dựng cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan (Được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%) tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (công ty không có chi nhánh tại tỉnh, thành phố này) khác nơi đóng trụ sở chính thì Công ty không phải kê khai nộp thuế GTGT đối với hoạt động xây dựng vắng lai này.

Trường hợp Công ty có hợp đồng xây dựng công trình ở tỉnh Bắc Ninh (Công ty không có chi nhánh tại tỉnh này), hợp đồng có thỏa thuận chủ đầu tư thanh toán toàn bộ công trình cho công ty và Công ty xuất hóa đơn GTGT cho toàn bộ công trình; Sau đó công ty có hợp đồng giao lại một số hạng mục công trình cho nhà thầu phụ thực hiện thì Công ty khai và nộp thuế GTGT đối với hoạt động xây dựng vắng lai này tại tỉnh Bắc Ninh theo quy định đối với toàn bộ giá trị công trình bàn giao chưa có thuế GTGT. Trường hợp công ty chưa nộp số tiền thuế vắng lai này thì công ty bị tính tiền chậm nộp đối với số tiền chưa nộp theo quy định.

Trường hợp Công ty có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết và đủ điều kiện được hoàn thuế GTGT thì Công ty lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (Tại thành phố Hà Nội) để được xem xét giải quyết hoàn thuế theo quy định. Số thuế GTGT được hoàn (nếu có) sẽ được bù trừ với số thuế GTGT phải nộp của hoạt động xây dựng vắng lai tại tỉnh Bắc Ninh theo quy định của Luật quản lý thuế kể từ ngày cơ quan thuế ban hành quyết định về việc hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước.

6. Về chứng từ thanh toán qua ngân hàng được khấu trừ thuế GTGT.

Tổng cục Thuế có công văn số 967/TCT-KK ngày 23/3/2018 hướng dẫn Công ty TNHH TM Tuấn Tú v/v chứng từ thanh toán qua ngân hàng được khấu trừ thuế GTGT.

Theo đó, Trường hợp Công ty tại thời điểm năm 2011 đến năm 2013(và cũng như đến thời điểm hiện nay) có hóa đơn mua xăng dầu từng lần theo hóa đơn từ 20 triệu đồng trở lên hoặc mua xăng dầu của một nhà cung cấp có giá trị dưới 20 triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng giá trị từ 20 triệu đồng trở lên, theo giá đã có thuế GTGT nếu có chứng từ thanh toán qua ngân hàng không dùng tiền mặt là chứng từ chứng minh việc chuyển tiền từ tài khoản của bên mua sang tài khoản của bên bán mở tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo các hình thức thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành thì được khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định.

Trường hợp nếu Công ty trực tiếp nộp tiền mặt vào tài khoản ngân hàng của bên bán thì chứng từ có liên quan là chứng từ nộp tiền mặt vào tài khoản ngân hàng, không phải là chứng từ thanh toán qua ngân hàng không dùng tiền mặt để được xét khấu trừ thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào theo quy định.

6. Thuế GTGT đối với gỗ tròn có nguồn gốc tự nhiên.

Tổng Cục thuế có công văn 1170/TCT-CS hướng dẫn Cục thuế TP Cần Thơ, công văn số 2038/TCT-CS ngày 17/5/2017 về thuế GTGT đối với gỗ tròn có nguồn gốc tự nhiên.

Theo đó:

- Đối với sản phẩm gỗ tròn, gỗ nguyên cây chưa chế biến do tổ chức, cá nhân trực tiếp trồng và bán ra thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm gỗ tròn, gỗ nguyên cây chưa chế biến do doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại thì thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT, trường hợp bán cho hộ, cá nhân kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác thì áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%.

- Sản phẩm gỗ đã qua chế biến như: gỗ ván, gỗ tấm, dăm gỗ áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10%.

II/ Về thuế TNDN:

1. Một số nội dung mới về chính sách thuế TNDN:

Ngày 16/03/2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 25/2018/TT-BTC hướng dẫn nghị định số [146/2017/NĐ-CP](#) ngày 15/12/2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [78/2014/TT-BTC](#) ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số [111/2013/TT-BTC](#) ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính. Theo đó sửa đổi các nội dung sau:

1.1 Bổ sung tiết e điểm 2.2 khoản 2 Điều 6 Thông tư số [78/2014/TT-BTC](#) (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư số [96/2015/TT-BTC](#) ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính):

“Trường hợp doanh nghiệp có chuyển nhượng một phần vốn hoặc chuyển nhượng toàn bộ doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật, nếu có chuyển giao tài sản thì doanh nghiệp nhận chuyển nhượng chỉ được trích khấu hao tài sản cố định vào chi phí được trừ đối với các tài sản chuyển giao đủ điều kiện trích khấu hao theo giá trị còn lại trên sổ sách kế toán tại doanh nghiệp chuyển nhượng.”.

Trước đây chưa có quy định về nội dung này.

1.2. Sửa đổi đoạn thứ nhất tại tiết b điểm 2.6 khoản 2 Điều 6 Thông tư số [78/2014/TT-BTC](#) (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư số [96/2015/TT-BTC](#) ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính):

“b) Các khoản tiền lương, tiền thưởng cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty,

Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty.”

Trước đây quy định tại điểm này bao gồm cả khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động.

1.3. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.11 khoản 2 Điều 6 Thông tư số [78/2014/TT-BTC](#) (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư số [96/2015/TT-BTC](#) ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính):

“2.11. Phần chi vượt mức 03 triệu đồng/tháng/người để: Trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động; phần vượt mức quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế để trích nộp các quỹ có tính chất an sinh xã hội (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm hưu trí bổ sung bắt buộc), quỹ bảo hiểm y tế và quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động...”

Tại Thông tư 25/2018/TT-BTC đã tăng định mức phần chi vượt không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi để trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện từ 01 triệu đồng/tháng/người lên 03 triệu đồng/tháng/người; đồng thời bổ sung thêm phần bảo hiểm nhân thọ cho người lao động vào định mức, nếu vượt định mức sẽ không được trừ khi tính thuế.

Thông tư số 25/2018/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 1/5/2018.

2. Về việc kê khai nộp thuế khi bán tài sản đảm bảo:

Tổng cục Thuế có công văn số 736/TCT-DNL ngày 5/3/2018 hướng dẫn Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam về việc kê khai nộp thuế khi bán tài sản đảm bảo.

Theo đó, trường hợp khi chuyển nhượng bất động sản mà tài sản bảo đảm vẫn thuộc sở hữu của khách hàng vay nợ, Công ty đứng ra bán tài sản đảm bảo thì Công ty khai, nộp thay thuế TNDN hoặc TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản theo quy định.

Trường hợp khi chuyển nhượng bất động sản mà tài sản bảo đảm vẫn thuộc sở hữu của khách hàng vay nợ, Công ty ủy quyền cho tổ chức tín dụng bán tài sản bảo đảm thì cơ quan chi trả có trách nhiệm kê khai nộp thay thuế TNDN hoặc TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản theo quy định.

III/ Về thuế TNCN:

1. Một số nội dung mới về chính sách thuế thu nhập cá nhân

Ngày 16/03/2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 25/2018/TT-BTC hướng dẫn nghị định số [146/2017/NĐ-CP](#) ngày 15/12/2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [78/2014/TT-BTC](#) ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số [111/2013/TT-BTC](#) ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính. Theo đó, sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư số [111/2013/TT-BTC](#) ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính như sau:

“b. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, bao gồm: thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật chứng khoán. Thu

nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật chứng khoán và Điều 120 của Luật doanh nghiệp.”

Trước đây quy định như sau: “Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, bao gồm: thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của Luật Chứng khoán; thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp.”

Thông tư số 25/2018/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 1/5/2018 **2. Chính sách thuế TNCN và lệ phí trước bạ khi phân chia bất động sản sau ly hôn.**

Tổng cục Thuế có công văn số 667/TCT-TNCN ngày 27/02/2018 hướng dẫn Cục thuế tỉnh Kon Tum về việc chính sách thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ.

Theo đó, trường hợp vợ chồng bà A được Tòa án phán quyết tài sản chung do hai bên tự thỏa thuận sau ly hôn, khi phân chia tài sản chung được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng thực theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì khi bà A đăng ký lại quyền sở hữu đất ở, quyền sử dụng nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ. Số tiền chồng bà A nhận được từ bà A không phải nộp thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

2. Chính sách thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản.

Tổng cục Thuế có công văn số 1369/TCT-TNCN ngày 18/04/2018 hướng dẫn Cục Thuế tỉnh Bắc Giang về chính sách thuế TNCN.

Theo đó, trường hợp Bên A (cá nhân) ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có địa chỉ tại tỉnh Bắc Giang ngày 28/12/2017 và chứng thực ngày 28/12/2017 cho Bên mua (cá nhân khác) và tại Hợp đồng chuyển nhượng có thỏa thuận các khoản thuế, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng do bên A chịu trách nhiệm nộp thì thời điểm tính thuế TNCN là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật – ngày hợp đồng được UBND xã tại tỉnh Bắc Giang chứng thực.

Trường hợp giá chuyển nhượng ghi trong Hợp đồng cao hơn so với Bảng giá đất năm 2017 nhưng thấp hơn Bảng giá đất năm 2018 (Quyết định ngày 27/12/2017 điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018) thì giá chuyển nhượng đất để tính thuế TNCN là giá chuyển nhượng ghi trong Hợp đồng.

3. Về việc giảm trừ gia cảnh.

Tổng cục Thuế có công văn số 1523/TCT-TNCN ngày 23/4/2018 hướng dẫn Cục Thuế TP Hà Nội về chính sách thuế TNCN.

Theo đó, trường hợp người phụ thuộc là bà nội, di ruột là cá nhân ngoài độ tuổi lao động đã được chính quyền sở tại nơi người phụ thuộc cư trú xác nhận điều kiện không nơi nương tựa thì Người nộp thuế được khai giảm trừ gia cảnh cho bà nội, di ruột khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân.

Trường hợp em ruột là cá nhân trong độ tuổi lao động thì để là người phụ thuộc phải thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bị khuyết tật, không có khả năng lao động
- Không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt qua 1.000.000 đồng.

4. Chính sách thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thù lao khi tham gia đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm cấp quốc gia.

Tổng cục Thuế có công văn số 1242/TCT-TNCN ngày 10/04/2018 hướng dẫn Cục Thuế TP Hà Nội về chính sách thuế TNCN.

Theo đó, trường hợp cá nhân nhận được khoản thù lao khi tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học của Viện khoa học Thủy lợi Việt Nam thì các khoản thù lao này thuộc diện thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công.

5. Về việc xác định tình trạng cư trú của người nước ngoài.

Tổng cục Thuế có công văn số 970/TCT-TNCN ngày 23/3/2018 hướng dẫn Công ty TNHH Denyo Việt Nam về chính sách thuế TNCN.

Theo đó, trường hợp cá nhân người nước ngoài vào Việt Nam làm việc từ năm 2012 đến ngày 24/4/2014 rời khỏi Việt Nam. Các năm 2012, 2013, 2014 Công ty đã thực hiện khấu trừ và quyết toán thuế TNCN của cá nhân người nước ngoài theo quy định tại Việt Nam. Ngày 28/10/2017 cá nhân người nước ngoài này trở lại Việt Nam làm việc và dự kiến sẽ làm việc đến ngày 27/10/2019, thì ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam để xác định tình trạng cư trú và năm tính thuế đầu tiên của cá nhân người nước ngoài này là ngày 28/10/2017.

IV/ Thuế nhà thầu:

Thuế nhà thầu đối với dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài.

Tổng cục Thuế có công văn số 563/TCT-DNL ngày 12/02/2018 hướng dẫn Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương.

Theo đó, trường hợp các tổ chức trung gian ở nước ngoài không phải là ngân hàng, có thu nhập phát sinh tại Việt Nam (Công ty Western Union, Công ty Money Gram...) trên cơ sở hợp đồng để thực hiện dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài cho khách hàng của các Ngân hàng tại Việt Nam thì tổ chức trung gian ở nước ngoài không phải là Ngân hàng là đối tượng áp dụng thuế nhà thầu. Khi thanh toán tiền phí chuyển tiền thu hộ tổ chức trung gian ở nước ngoài không phải là Ngân hàng, Ngân hàng phải thực hiện khấu trừ, khai và nộp thay thuế nhà thầu cho tổ chức trung gian ở nước ngoài không phải là Ngân hàng (thuế GTGT tỷ lệ 5%, thuế TNDN tỷ lệ 5%) trên doanh thu thu được từ khách hàng.

Đối với phần thu nhập Ngân hàng được hưởng từ việc thực hiện các giao dịch chuyển tiền theo hợp đồng với tổ chức trung gian ở nước ngoài không phải là Ngân hàng (Công ty Western Union, Công ty Money Gram...) thì Ngân hàng thực hiện kê khai nộp thuế theo quy định.

V/ Vấn đề khác có liên quan

1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số.

Ngày 09/02/2018, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 17/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 305/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày **26/03/2018**.

2. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.

Ngày 25/01/2018 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 09/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản. Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày **15/03/2018**.

VI/ Về Hóa đơn:

1. Về việc sử dụng chứng từ đối với dịch vụ đấu giá tài sản.

Tổng cục Thuế có công văn số 1331/TCT-CS ngày 16/4/2018 hướng dẫn Cục Thuế TP Hà Nội về việc sử dụng chứng từ đối với dịch vụ đấu giá tài sản.

Theo đó, đối với các khoản phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản phát sinh trước ngày 01/07/2017 thì Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản (thuộc Sở Tư pháp TP Hà Nội) sử dụng Biên lai thu phí. Đối với các khoản thu lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phát sinh sau ngày 01/07/2017 theo quy định tại Thông tư số 45/2017/TT-BTC thì Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản (thuộc Sở Tư pháp TP Hà Nội) sử dụng hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ theo quy định.

2. Hướng dẫn về hóa đơn điện tử.

Tổng cục Thuế có công văn số 1406/TCT-DNL ngày 20/4/2018 hướng dẫn Ngân hàng TMCP Sài Gòn về việc hướng dẫn thực hiện hóa đơn điện tử.

Theo đó,

- Về việc gửi hóa đơn điện tử cho khách hàng: Ngân hàng phải thông báo cho khách hàng về định dạng HĐĐT và phương thức truyền nhận HĐĐT để khách hàng biết và cùng hợp tác thực hiện HĐĐT.

HĐĐT của Ngân hàng sau khi lập, ký điện tử phải chuyển lên website của Ngân hàng để khách hàng tra cứu, xem và tải HĐĐT. Trường hợp khách hàng đăng ký nhận HĐĐT qua email thì thực hiện gửi HĐĐT qua email cho khách hàng.

- Về chữ ký của người mua trên HĐĐT: Ngân hàng lập HĐĐT cho người mua theo quy định, trên HĐĐT không nhất thiết phải có chữ ký điện tử của người mua.

- Về chữ ký trên văn bản thỏa thuận trong trường hợp phát hiện sai sót:

Trường hợp HĐĐT đã lập cho khách hàng sau đó phát hiện sai sót theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 32/2011/TT-BTC thì ngân hàng và khách hàng được phép lập văn bản xác nhận sai sót bằng giấy có chữ ký người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật về ủy quyền

của người mua và người bán. Ngân hàng lập HĐĐT điều chỉnh sai sót theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính.

- Về chuyển đổi hóa đơn điện tử sang giấy: Ngân hàng thực hiện chuyển đổi HĐĐT sang hóa đơn giấy theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 32/2011/TT-BTC, trên HĐĐT chuyển đổi sang giấy của Ngân hàng không nhất thiết phải có dấu của người bán. Ngân hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chuyển đổi HĐĐT sang hóa đơn giấy.

Khách hàng của Ngân hàng được sử dụng HĐĐT chuyển đổi này để kê khai, khấu trừ thuế, chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa hữu hình trong quá trình lưu thông và lưu trữ kế toán theo quy định.

3. Về việc xử lý hóa đơn hết giá trị sử dụng.

Tổng cục Thuế có công văn số 1058/TCT-CS ngày 29/03/2018 hướng dẫn Cục Thuế các tỉnh, thành phố.

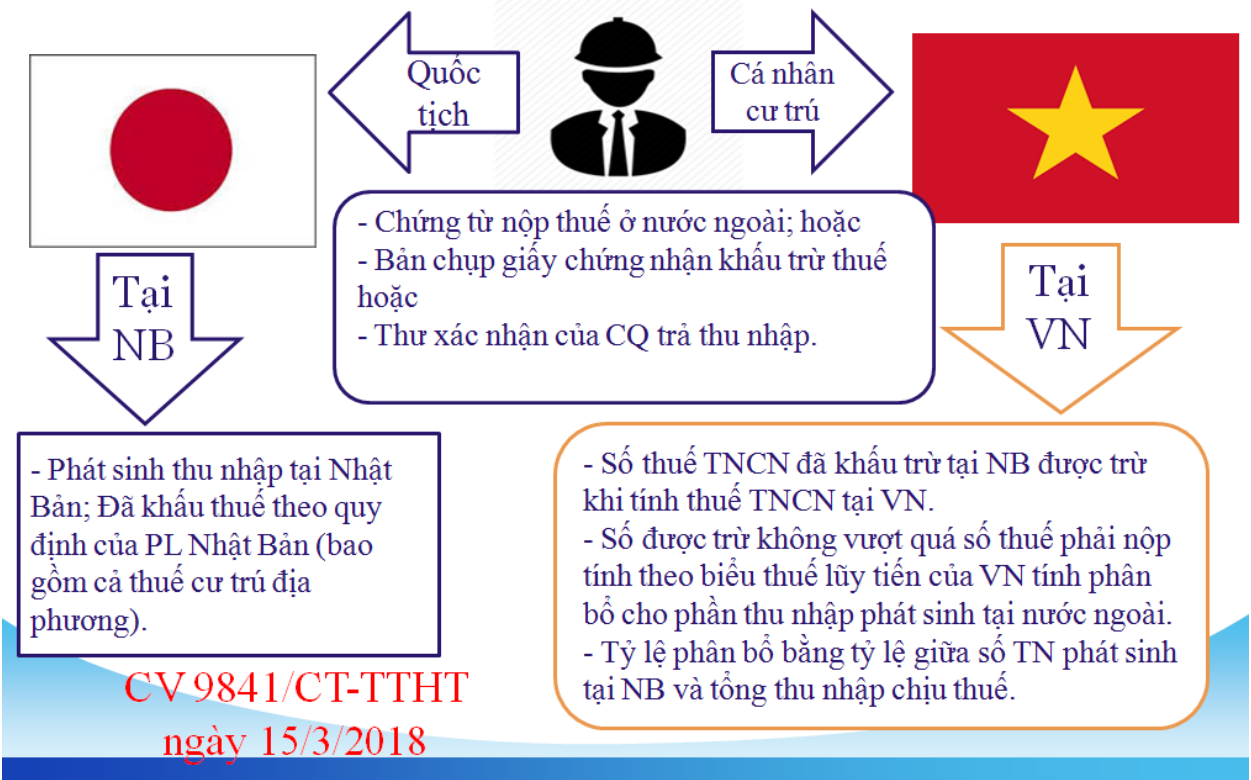
Theo đó, trường hợp cơ sở kinh doanh bỏ địa chỉ kinh doanh mà không thông báo với cơ quan thuế (cơ quan thuế đã thực hiện trình tự thủ tục xác minh tình trạng hoạt động của cơ sở kinh doanh theo hướng dẫn tại Quy trình ban hành kèm theo Quyết định số [438/QĐ-TCT](#) ngày 05/4/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế), cơ quan thuế đã ban hành Thông báo về việc cơ sở kinh doanh bỏ địa chỉ kinh doanh và số lượng hóa đơn còn tồn của cơ sở kinh doanh không còn giá trị sử dụng, sau đó cơ sở kinh doanh đến cơ quan thuế khai báo lại về việc cơ sở kinh doanh tiếp tục hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký thì cơ quan thuế hướng dẫn cơ sở kinh doanh thực hiện hủy các số hóa đơn không còn giá trị sử dụng tại Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo quy định tại Điều 29 Thông tư số [39/2014/TT-BTC](#) ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số [51/2010/NĐ-CP](#) ngày 14/05/2010 và Nghị định số [04/2014/NĐ-CP](#) ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

B/ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CỤ THỂ.

1. Tình huống 1: Chính sách thuế TNCN đối với cá nhân cư trú là người Nhật Bản.



Chính sách thuế TNCN đối với cá nhân cư trú là người Nhật Bản



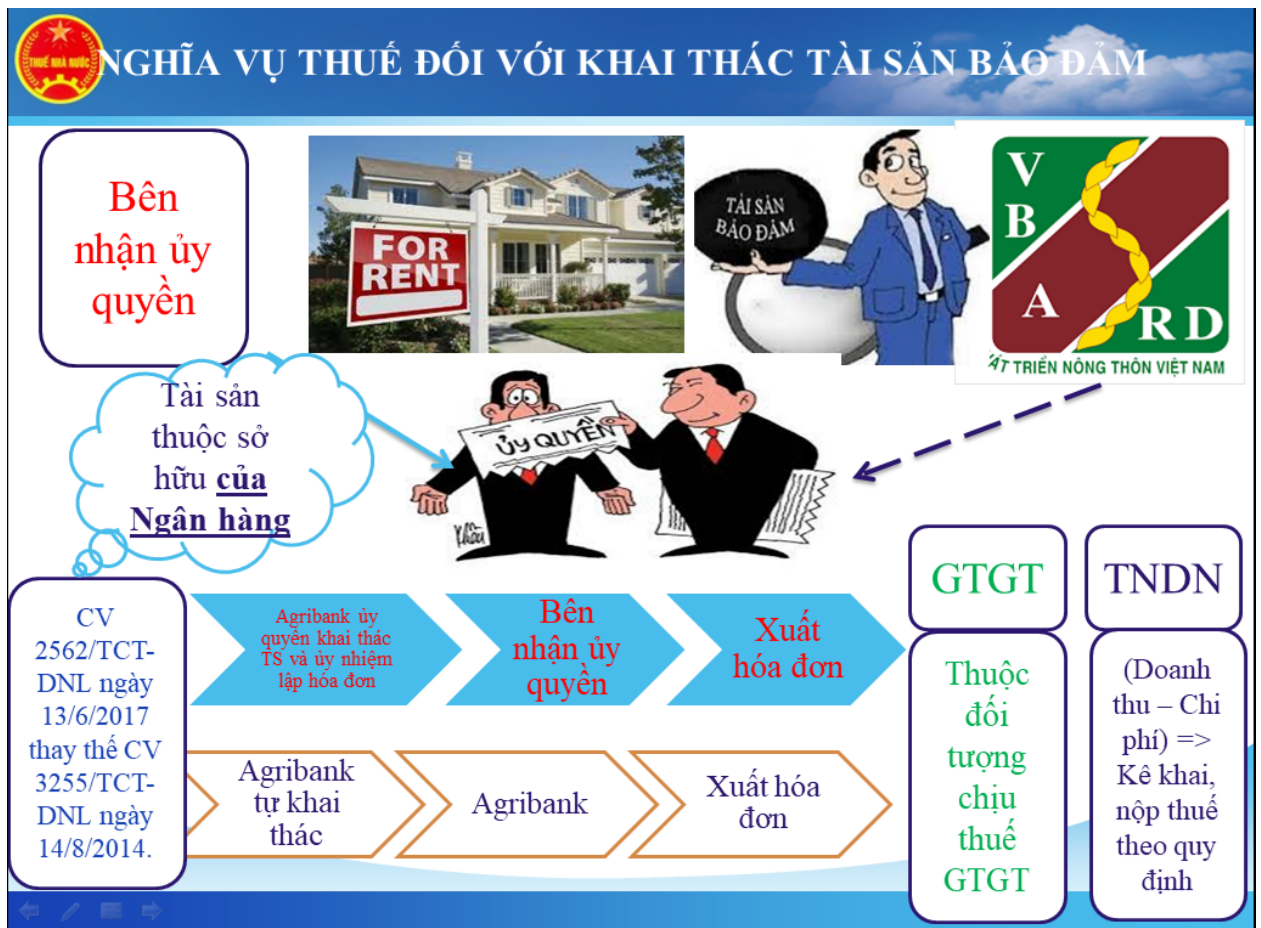
Ngày 15/3/2018, Cục Thuế TP Hà Nội có công văn số 9841/CT-TTHT trả lời Công ty TNHH Maruwn Logistics Việt Nam, theo đó:

- Trường hợp cá nhân cư trú người Nhật bản có thu nhập phát sinh tại Nhật Bản cơ quan chi trả ở Nhật Bản đã khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật Nhật Bản (bao gồm khoản thuế cư trú địa phương) thì được trừ số thuế TNCN đã nộp ở Nhật Bản vào số thuế TNCN phải nộp ở Việt Nam, số thuế được trừ không vượt quá số thuế phải nộp tính theo biểu thuế của Việt Nam phân bổ cho phần thu nhập phát sinh tại nước ngoài. Tỷ lệ phân bổ được xác định bằng tỷ lệ giữa số thu nhập phát sinh tại Nhật Bản và tổng thu nhập chịu thuế.

- Cá nhân cung cấp bản chụp các chứng từ chứng minh số thuế đã nộp ở nước ngoài khi quyết toán thuế TNCN. Trường hợp, theo quy định của pháp luật nước ngoài, cơ quan thuế nước ngoài không cấp giấy xác nhận số thuế đã nộp, người nộp thuế có thể nộp bản chụp giấy chứng nhận khấu trừ thuế hoặc thư xác nhận của cơ quan chi trả ghi rõ số thuế TNCN đã khấu trừ và đã nộp thuế theo tờ khai thuế thu nhập nào trong hồ sơ khai quyết toán thuế TNCN.

2. Tình huống 2: Chính sách thuế đối với xử lý tài sản đảm bảo chờ xử lý

2.1. Trường hợp tài sản bảo đảm đã thuộc quyền sở hữu của Ngân hàng:



Ngày 13/6/2017, Tổng cục Thuế có công văn số 2562/TCT-DNL trả lời Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, theo đó:

- Trường hợp Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam hoặc ủy quyền cho bên thứ ba khai thác tài sản bảo đảm trong quá trình chờ xử lý với mục đích thu hồi nợ gốc thì **Ngân hàng có trách nhiệm xuất hóa đơn GTGT** cho bên thuê tài sản **hoặc ủy quyền cho bên thứ ba** xuất hóa đơn cho bên thuê tài sản, **trên hóa đơn ghi tên đơn vị bán là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam**.

- Trường hợp trong thời gian chờ xử lý tài sản bảo đảm, Ngân hàng phát sinh khoản doanh thu từ hoạt động cho thuê tài sản bảo đảm thì khoản doanh thu đó thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Khoản doanh thu thu được từ hoạt động cho thuê tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản bảo đảm là khoản thu nhập của Ngân hàng, vì vậy Ngân hàng phải kê khai và nộp thuế TNDN theo quy định. **Công văn này thay thế công văn số 3255/TCT-DNL ngày 14/8/2014 của Tổng cục Thuế.**

2.2. Trường hợp tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của khách hàng có tài sản:



NGHĨA VỤ THUẾ ĐỐI VỚI KHAI THÁC TÀI SẢN BẢO ĐẢM



Ngày 02/3/2018, Tổng cục Thuế có công văn số 712/TCT-DNL hướng dẫn bổ sung nghĩa vụ thuế đối với hoạt động khai thác tài sản đảm bảo trong thời gian chờ xử lý của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, theo đó:

1. Trường hợp **tài sản bảo đảm đã thuộc quyền sở hữu của Ngân hàng** thì nghĩa vụ thuế đối với việc khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý được thực hiện **theo hướng dẫn tại công văn số 2562/TCT-DNL** ngày 13/6/2017 của Tổng cục Thuế.

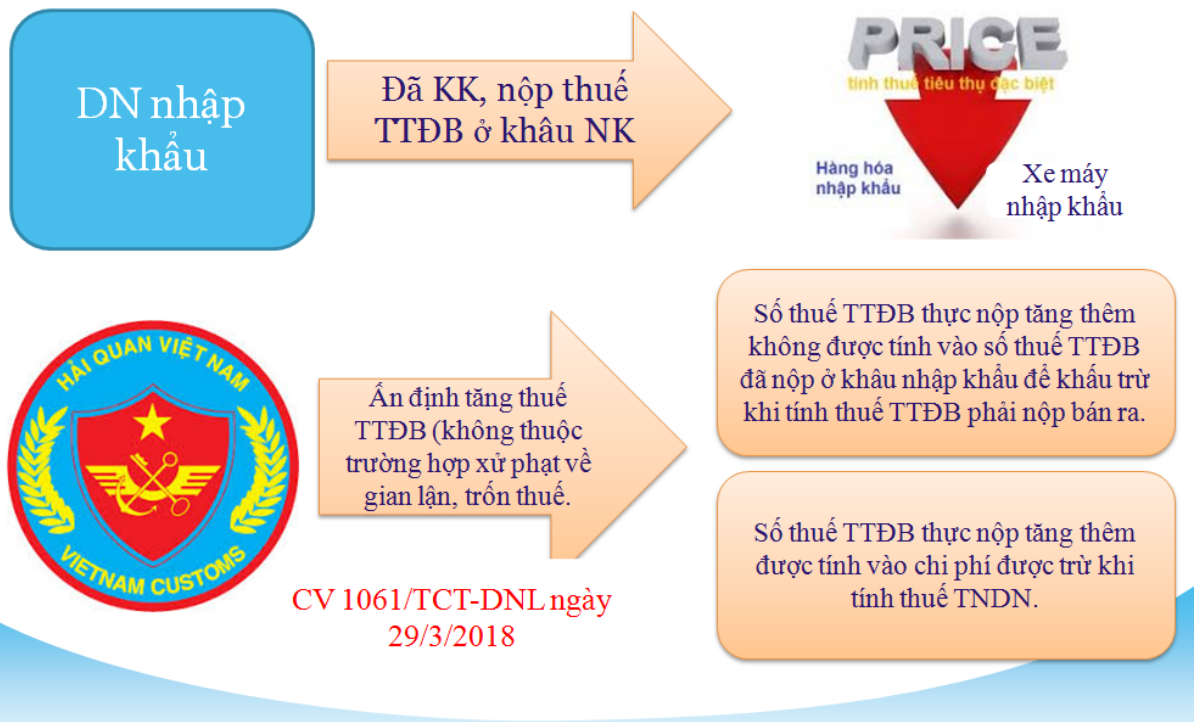
2. Trường hợp **tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của khách hàng** có tài sản bảo đảm thì:

Trường hợp trong thời gian chờ xử lý tài sản bảo đảm (tài sản bảo đảm vẫn thuộc quyền sở hữu của khách hàng có tài sản bảo đảm), Ngân hàng phát sinh khoản thu nhập từ hoạt động khai thác tài sản bảo đảm thì Ngân hàng phải hạch toán riêng doanh thu, chi phí và thuế giá trị gia tăng, khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân thay cho khách hàng có tài sản bảo đảm theo quy định. Thu nhập sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế được bù trừ vào số nợ phải trả của khách hàng vay tiền.

3. **Tình huống 3: Khấu trừ thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu.**



Khấu trừ thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu



Ngày 29/3/2018, Tổng cục Thuế có công văn số 1061/TCT-CS hướng dẫn về khấu trừ thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu của Công ty TNHH Yamaha Motor Việt Nam, theo đó:

Trường hợp Công ty đã kê khai và nộp thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu sau đó Cơ quan Hải quan ra quyết định ấn định tăng thuế TTĐB đầu vào phải nộp của xe máy nhập khẩu (theo Quyết định số 63/ĐĐ-HQGT ngày 08/2/2017 của Chi cục Hải quan Gia Thụy, không thuộc trường hợp xử phạt về gian lận, trốn thuế), Công ty đã nộp số thuế TTĐB tăng thêm vào NSNN thì Công ty được tính số TTĐB đầu vào thực nộp tăng thêm này vào số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu để khấu trừ khi xác định số thuế TTĐB phải nộp bán ra trong nước.

Công ty thực hiện hạch toán số thuế TTĐB thực nộp tăng thêm nêu trên vào chi phí được trừ để tính thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính./.

